

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/LĐ-PT
Ngày: 09/01/2023
V/v Tranh chấp về đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Các Thẩm phán: Bà Doãn Thị Kim Thúy
Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:**

Bà Lê Thị Kim Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 57/2022/TLPT-LĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 43/2022/LĐ-ST ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6142/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 20149/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Ngọc H, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: 3 Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 194/50/47 B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh M, sinh năm 1969 (có mặt), theo Giấy ủy quyền ngày 05/01/2023.

Địa chỉ liên lạc: 2.06 Lô B Khu tái định cư V, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH T2.

Trụ sở chính: Lầu 2, số F T, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L & Các cộng sự (theo Giấy ủy quyền ngày 18/3/2021).

Người được ủy quyền lại (theo Giấy ủy quyền ngày 15/07/2022):

- Ông Lê Đình C, sinh năm 1997 (có mặt), hoặc

- Bà Doãn Thị Thanh T, sinh năm 1994 (có mặt).

Cùng địa chỉ liên lạc: 185 Cô B, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Trọng T1 (có mặt) và Luật sư Phạm Thị Thanh N (vắng mặt) – Công ty L & các Cộng Sự, Đoàn Luật sư Thành phố H.

Người kháng cáo: Bà Phan Thị Ngọc H - Nguyên đơn.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2020; Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 07/01/2021 và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H trình bày:

Ngày 16/3/2016, bà Phan Thị Ngọc H ký hợp đồng lao động số 04.096.2016/VMEC với Công ty TNHH M1 (nay là Công ty TNHH T2) với công việc nhân viên tạp vụ.

Ngày 16/3/2018, bà H tiếp tục ký Hợp đồng lao động số 04.096.2018/VMEC với Công ty TNHH T2 (sau đây gọi tắt là Công ty) làm công việc nhân viên tạp vụ, thời hạn hợp đồng: Không xác định thời hạn; thời gian làm việc: 8,5 giờ/ngày; địa điểm làm việc: số F T, Phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 31/12/2019, Công ty ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà từ ngày 13/2/2020, ngày 02/01/2020 bà đến Công ty làm việc thì Công ty không cho bà vào làm việc. Nhận thấy quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, bà H yêu cầu Công ty TNHH T2 trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày bà không được làm việc tính từ ngày 13/02/2020 đến khi vụ án được đưa ra xét xử theo mức lương 5.796.000

đồng/tháng, bồi thường cho bà 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 11.592.000 đồng.

Bị đơn - Công ty TNHH T2 có ông Lê Đình C và bà Doãn Thị Thanh T cùng thống nhất trình bày: Ngày 16/3/2016, bà Phan Thị Ngọc H và Công ty TNHH T2 đã ký kết Hợp đồng lao động số: 04.096.2016/VMEC để xác lập quan hệ lao động. Các bên thỏa thuận về chức vụ của bà H là Nhân viên tạp vụ - Phòng Tổng vụ và mức lương chính là 3.900.000 đồng/tháng. Trong suốt quá trình làm việc, theo từng thời điểm, các bên đã cùng ký kết các hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng lao động để điều chỉnh mức lương chính và nội dung công việc. Ngày 16/03/2018, bà H và Công ty tiếp tục ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 04.096.2018/VMEC. Nhằm mục đích tinh gọn bộ máy hoạt động và giảm chi phí nhân sự của Công ty, Ban Nhân sự - Phòng Tổng vụ gửi Tờ trình số 0411/TT-VMEC/2019 đề ngày 04/11/2019 để trình Tổng Giám đốc xem xét, phê duyệt phương án thay đổi cơ cấu tổ chức theo hướng xóa bỏ Nhóm Tạp vụ thuộc Ban Hành C1 – Phòng Tổng vụ tại trụ sở chính của Công ty, theo đó xem xét cho thôi việc các nhân sự đang làm việc tại Nhóm Tạp vụ và giữ nguyên nguồn lực nhân sự của các Bộ phận còn lại trong Phòng Tổng vụ.

Sau khi xem xét Tờ Trình, ngày 11/11/2019 Tổng Giám đốc Công ty ban hành Quyết định số 1111/QĐ-VMEC/2019 về việc thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty. Ngày 21/11/2019, Tổng Giám đốc và Ban chấp hành Công đoàn cơ sở tổ chức cuộc họp về việc xây dựng Phương án sử dụng lao động tại Công ty. Sau khi thảo luận và bàn bạc, Tổng Giám đốc và Ban chấp hành Công đoàn cơ sở nhất trí về việc cho thôi việc các nhân viên thuộc Nhóm Tạp vụ vì lý do thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty theo Quyết Định 1111. Đồng thời, Ban chấp hành Công đoàn cơ sở cũng thống nhất về nội dung bản dự thảo Phương án sử dụng lao động mà Tổng Giám đốc đề xuất. Sau khi thống nhất với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, Tổng Giám đốc Công ty chính thức ban hành Phương án sử dụng lao động đề ngày 22/11/2019.

Ngày 27/11/2019, Công ty gửi Thông báo về việc cho người lao động thôi việc số: 2611/TB-VMEC/2019; Báo cáo về việc chấm dứt sử dụng lao động số: 2611/BC-VMEC/2019; Quyết Định 1111 ngày 11/11/2019; Biên bản cuộc họp giữa Tổng giám đốc và Ban chấp hành công đoàn cơ sở số 01/BB-CĐCS-VMEC/2019 và Phương án sử dụng lao động cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H.

Ngày 31/12/2019, Tổng Giám đốc Công ty B Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà H kể từ ngày 13/02/2020. Ngoài ra, bà H được phép nghỉ có hưởng lương kể từ ngày ký của Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động cho đến ngày chấm dứt. Công ty xác định việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà H đã tuân thủ các quy định của pháp luật và thuộc trường hợp cho người lao động thôi việc do thay đổi cơ cấu tổ chức căn cứ theo Khoản 10 Điều 36 của Bộ luật Lao động 2012. nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H yêu cầu Công ty T3 trong những ngày bà không được làm việc tính từ ngày 13/2/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lương 5.382.000 đồng/tháng, bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động với số tiền 10.764.000 đồng. Nếu bị đơn đồng ý hòa giải, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 135.000.000 đồng; trường hợp bị đơn không đồng ý hòa giải phải trả cho bà đủ số tiền trên, bà không yêu cầu Công ty phải thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 43/2022/LĐ-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Bác yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H về việc yêu cầu Công ty TNHH T2 trả tiền lương trong những ngày bà không được làm việc tính từ ngày 13/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lương 5.382.000 đồng/tháng, bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động với số tiền 10.764.000 đồng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của đương sự trong giai đoạn thi hành án, thời hạn thi hành án.

Ngày 26/8/2022, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H nộp Đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án lao động sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thống nhất được cách giải quyết toàn bộ vụ án.

Nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án lao động sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn Công ty TNHH T2 do ông Lê Đình C và bà Doãn Thị Thanh T đại diện theo pháp luật không đồng ý toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn – Luật sư Lê Trọng T1 trình bày: Công ty thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động với bà H là do thay đổi cơ cấu, tổ chức nhằm tinh gọn bộ máy hoạt động và giảm chi phí nhân sự. Thực tế, Công ty đã tiết kiệm chi phí thuê tạp vụ được thể hiện rõ trong thời gian dịch bệnh Covid-19 kéo dài. Trong thời gian làm việc, giữa nguyên đơn và bị đơn không có bất kỳ xung đột nào; Công ty cũng không có sự đánh giá mức độ không hoàn thành nhiệm vụ của bà H. Ngày 26 và 27/12/2019, Công ty đã thông báo bằng lời nói cho bà H biết về việc chấm dứt hợp đồng lao động và bà H đã xác nhận sự việc này ở giai đoạn xét xử sơ thẩm. Đồng thời, Công ty đã thông báo đến Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố H về việc thay đổi cơ cấu, tổ chức và đã cho người lao động biết thông báo này. Công ty xác định việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà H đúng quy định của pháp luật và đã hoàn thành nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Căn cứ khoản 10 Điều 36, các Điều 44, Điều 46 của Bộ luật Lao động 2012 và khoản 3 Điều 13 Nghị định 05/2015/NĐ-CP của Chính phủ, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Viện kiểm sát nhân dân Hồ Chí Minh rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-LĐ ngày 30/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Có thông báo bằng văn bản cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp về việc thụ lý vụ án, quyết định xét xử cùng hồ sơ vụ án chuyển Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H không có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của

nguyên đơn, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 43/2022/LĐ-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo đề ngày 26/8/2022 của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-LĐ ngày 30/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện trong thời hạn luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Việc xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 31/12/2019, Công ty B Quyết định không số có nội dung chấm dứt hợp đồng lao động với bà H kể từ ngày 13/02/2020. Ngày 30/11/2020, bà H nộp đơn khởi kiện Công ty tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012, việc khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện nên được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H:

[2.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự xác nhận của đương sự, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa bà Phan Thị Ngọc H và Công ty TNHH T2 có ký hợp đồng lao động số 04.096.2016/VMEC ngày 16/3/2016, phụ lục hợp đồng số 04.096.2016/VMEC-ANNEX ngày 24/7/2016, hợp đồng lao động số 04.096.2018/VMEC ngày 16/3/2018 với công việc: Nhân viên tạp vụ; thời hạn hợp đồng: Không xác định thời hạn; thời gian làm việc: 8,5 giờ/ngày; địa điểm làm việc: F T, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2] Căn cứ Tờ trình ngày 04/11/2019 của Ban Nhân sự - Phòng Tổng vụ, Tổng Giám đốc Công ty ban hành Quyết định số 1111/QĐ-VMEC/2019 ngày 11/11/2019 về việc thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty. Ngày 21/11/2019, Công ty B Công đoàn cơ sở đã tổ chức cuộc họp trao đổi về việc xây dựng phương án sử dụng lao động. Ngày 22/11/2019, Công ty B sử dụng lao động, theo đó công ty cho thôi việc đối với 03 (ba) người lao động, trong đó có bà H. Ngày 27/11/2019, Công ty gửi Thông báo về việc cho người lao động thôi việc số 2611/TB-VMEC/2019 ngày 26/11/2019 cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H về việc cho nhân viên thuộc Nhóm Tập vụ thôi việc (trong đó có bà H) với lý do thay đổi cơ cấu của Công ty. Ngày 31/12/2019, Công ty ban hành Quyết định không số chấm dứt hợp đồng lao động với bà H kể từ ngày 13/02/2020, đồng thời bà H sẽ được nhận các khoản lương theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thưởng (nếu có) và các khoản trợ cấp khác theo quy định trong hợp đồng lao động và quy định của P đến ngày chấm dứt.

[2.3] Điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định: “*Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước: a) Ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn*”. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại đơn đề nghị ngày 09/12/2019, bà H xác nhận ngày 27/11/2019 đã được bà Đào Kim V - Trưởng Phòng Tổng vụ Công ty thông báo bằng lời nói về việc toàn bộ bộ phận nhân viên tập vụ thôi việc và đã giao cho bà H bằng photo Thông báo 2611/TB-VMEC/2019 ngày 26/11/2019 “Thông báo về việc cho người lao động thôi việc” của Công ty gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H.

[2.4] Căn cứ Công văn số 14/2022 ngày 15/7/2022 của Công ty TNHH một thành viên N1; Công văn số 35/2022 ngày 15/7/2022 của Công ty với Công ty TNHH N1 và các Hóa đơn giá trị gia tăng từ ngày 10/01/2020 đến ngày 30/6/2022, có cơ sở xác định từ năm 2020 đến khi xét xử sơ thẩm, Công ty đã thuê hai Công ty trên thực hiện trọn gói dịch vụ vệ sinh văn phòng, không ký hợp đồng lao động thực hiện công việc tạp vụ. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà H phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 36, Điều 44, Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 3 Điều 13 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

[2.5] Như phân tích tại các mục trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H là phù hợp.

Xét thấy, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 43/2022/LĐ-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí lao động sơ thẩm và án phí lao động phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 16 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 148, Điều 293, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

Khoản 10 Điều 36, Điều 44, Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012;

Khoản 3 Điều 13 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 43/2022/LĐ-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H đối với các yêu cầu buộc bị đơn Công ty TNHH T2 trả tiền lương trong những ngày bà H không được làm việc tính từ ngày 13/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lương 5.382.000 đồng/tháng và bồi thường 02 tháng

tiền lương theo hợp đồng lao động với số tiền (5.382.000 đồng/tháng x 2 tháng) = 10.764.000 đồng (mười triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

2. Án phí lao động sơ thẩm:

2.1. Bà Phan Thị Ngọc H được miễn án phí lao động sơ thẩm.

2.2. Công ty TNHH T2 không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

3. Án phí lao động phúc thẩm:

3.1. Bà Phan Thị Ngọc H được miễn án phí lao động phúc thẩm.

3.2. Công ty TNHH T2 không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu (T18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Trúc

